

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2020

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY– TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Chiếu;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy– Thư ký Tòa án N dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về: “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(chị D có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh N sống chung vào năm 2006, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh N sống với chị nhưng không tin tưởng chị, không tôn trọng gia đình chị, chị và anh N đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh N không hàn gắn tình cảm được. Nay nhận

thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 17/02/2008. Hiện cháu Nh đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá tố tụng anh N trình bày: anh và chị D sống chung vào năm 2006, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, theo anh vợ chồng có cự cãi nhưng chỉ là mâu thuẫn bình thường, xuất phát là do công việc anh làm không có thu nhập ổn định và việc chị D sống chung với anh nhưng không toàn tâm toàn ý với anh, hay nhắn tin cho người khác, trong lúc vợ chồng cãi nhau, anh có nóng giận nên có chửi gia đình vợ, anh chửi là do nóng giận chứ không có ý xúc phạm người khác, anh và chị D đã ly thân gần 06 tháng. Trong thời gian ly thân anh chị không hàn gắn tình cảm được. Nay anh nhận thấy còn thương vợ, thương con, mong muốn đoàn tụ để lo cho con.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình, anh N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn cụ thể:

1. Về tình cảm: Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

2. Về con chung: Chị Lê Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 17/02/2008. Anh Nguyễn Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật hôn N và gia đình.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Minh N sống chung vào năm 2006, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm

sống, chị D và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và trong thời gian ly thân anh chị không hàn gắn tình cảm được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh N không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin được ly hôn của chị D là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 17/02/2008. Xét việc chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nh là có cơ sở, vì hiện tại cháu đang sống chung với chị D và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu tại Tòa, nên Hội đồng xét xử để chị D tiếp tục nuôi cháu Nh.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết, nếu sau này có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.
2. Về con chung: Chị Lê Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 17/02/2008. Anh Nguyễn Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016223 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị đã nộp xong án phí.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Ủy ban nhân dân xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thu Ngoan